

Bản án số: **22/2024/KDTM-ST**
Ngày: 15/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Bá Hữu

Bà Nguyễn Thị Cúc

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Hồng Hà – Thẩm tra viên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 33/2023/TLST-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng kinh tế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXX-KDTM ngày 06/06/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 43 ngày 24/6/2024 giữa:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần L 12.1

Trụ sở: Số 21 phố Đại T, phường Đại K, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Xuân T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên S.
Trụ sở: BT16A3 – 12 Làng Việt kiều Châu Á, khu đô thị mới Mỗ L, phường Mỗ L, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Nay đổi tên thành Công ty TNHH M C.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Bùi Thu H – Nhân viên Công ty Luật TNHH M c. *(Có mặt)*

Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng Anh S

Trụ sở: Số 24, đường Bắc C 3, phường Ngọc T, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn L – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc A – Kế toán Công ty cổ phần xây dựng Anh S. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai tại Tòa án, Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty cổ phần L 12.1 trình bày:

Công ty cổ phần xây dựng Anh S có nhu cầu mua bê tông thương phẩm và bơm bê tông để phục vụ thi công công trình Cầu S3 và Cầu L5 thuộc gói thầu 5.1, dự án thoát nước thành phố Hà Nội tại Khu vực nội thành – thành phố Hà Nội. Do đó, Công ty cổ phần xây dựng Anh S (Sau đây gọi tắt là Công ty Anh S) và Công ty cổ phần L 12.1 (Sau đây gọi là Công ty L 12.1) thực hiện ký kết Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/TBT-12.1/KTTH ngày 01/02/2015 về việc mua bán bê tông thương phẩm và bơm bê tông. Tại Hợp đồng, Công ty L 12.1 và Công ty Anh S thống nhất đơn giá, khối lượng tạm tính, quy cách chất lượng bê tông và các điều khoản có liên quan.

Căn cứ vào Hợp đồng đã ký kết, Công ty L 12.1 tiến hành cung cấp dịch vụ và thực hiện công việc theo đúng tiêu chuẩn và yêu cầu của Công ty Anh S. Đối với mỗi lần đặt hàng, Công ty L 12.1 và Công ty Anh S tiến hành lập Biên bản đối chiếu khối lượng và giá trị thực hiện. Công ty L 12.1 đã xuất hóa đơn GTGT với các giá trị tương ứng được ghi nhận, cụ thể:

- Ngày 28/02/2015: Công ty L 12.1 xuất hóa đơn số 0000008 với số tiền phải thanh toán là 69.253.250 đồng.

- Ngày 31/03/2015: Công ty L 12.1 xuất hóa đơn số 0000048 với số tiền phải thanh toán là 257.125.000 đồng.

- Ngày 30/06/2015: Công ty L 12.1 xuất hóa đơn số 0000202 với số tiền phải thanh toán là 547.629.500 đồng.

- Ngày 31/07/2015: Công ty L 12.1 xuất hóa đơn số 0000275 với số tiền phải thanh toán là 756.541.500 đồng.

- Ngày 31/08/2015: Công ty L 12.1 xuất hóa đơn số 0000337 với số tiền phải thanh toán là 448.951.250 đồng.

- Ngày 30/9/2015: Công ty L 12.1 xuất hóa đơn số 0000386 với số tiền phải thanh toán là 477.578.750 đồng.

- Ngày 31/10/2015: Công ty L 12.1 xuất hóa đơn số 0000419 với số tiền phải thanh toán là 138.281.000 đồng.

- Ngày 30/11/2015: Công ty L 12.1 xuất hóa đơn số 0000478 với số tiền phải thanh toán là 30.604.750 đồng.

- Ngày 31/12/2015: Công ty L 12.1 xuất hóa đơn số 0000545 với số tiền phải thanh toán là 146.036.000 đồng.

- Ngày 29/02/2016: Công ty L 12.1 xuất hóa đơn số 0000636 với số tiền phải thanh toán là 56.127.500 đồng.

Như vậy, tính đến hết ngày 29/02/2016, Công ty L 12.1 đã xuất 10 hóa đơn GTGT cho Công ty Anh S với tổng giá trị là 2.887.109.500 đồng.

Số tiền này đã được Công ty Anh S thanh toán như sau:

- Ngày 30/6/2015: Công ty Anh S thanh toán 326.378.250 đồng.

- Ngày 06/08/2015: Công ty Anh S thanh toán 200.000.000 đồng.

- Ngày 18/8/2015: Công ty Anh S thanh toán 500.000.000 đồng.

- Ngày 01/10/2015: Công ty Anh S thanh toán 300.000.000 đồng.

- Ngày 16/10/2015: Công ty Anh S thanh toán 263.152.000 đồng.

- Ngày 25/11/2015: Công ty Anh S thanh toán 448.951.250 đồng.

- Ngày 03/02/2016: Công ty Anh S thanh toán 200.000.000 đồng.

- Ngày 03/10/2016: Công ty Anh S thanh toán 86.732.250 đồng.

- Ngày 06/7/2017: Công ty Anh S thanh toán 100.000.000 đồng.

- Ngày 12/02/2018: Công ty Anh S thanh toán 50.000.000 đồng.

Tính đến hết ngày 12/02/2018, Công ty Anh S đã thanh toán cho Công ty L 12.1 tổng số tiền là 2.475.213.750 đồng.

Công ty L 12.1 và Công ty Anh S thống nhất thỏa thuận thời hạn thanh toán tổng giá trị khối lượng công việc phát sinh từ hợp đồng trên như sau:

“ĐIỀU 3: THANH TOÁN

3.3 Thời hạn thanh toán:

- Khi nhận được hóa đơn hợp lệ do bên B cung cấp, trong vòng từ 02 đến 07 ngày kể từ ngày giao nhận hóa đơn. Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị đã thực hiện ghi trên hóa đơn.

- Trong trường hợp Bên A thanh toán trước 80% giá trị khối lượng bê tông đã thực hiện thì 20% giá trị còn lại của kỳ thanh toán trước sẽ được Bên A thanh toán gộp cùng với giá trị khối lượng của lần thanh toán tiếp theo;”

Đối chiếu với Hóa đơn GTGT Công ty L 12.1 và sao kê ngân hàng của Công ty L 12.1 và tại Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ giữa Công ty Licogi12.1 và Công ty Anh S thể hiện tính đến hết ngày 28/2/2018 Công ty Anh S còn nợ Công ty

L 12.1 tổng số tiền là 411.895.750 đồng. Sau khi có Biên bản đối chiếu công nợ, Công ty Licogi 12.1 đã nhiều lần thúc giục Công ty Anh S trả nợ nhưng Công ty Anh S cố tình không trả.

Nay Công ty L 12.1 khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên buộc Công ty Anh S phải thanh toán cho Công ty L 12.1 các khoản tiền cụ thể:

- Tổng tiền phát sinh từ Hợp đồng là **411.895.750 đồng (I)**;
- Tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tạm tính từ ngày 07/3/2016 đến ngày 23/4/2024 với mức lãi suất 10%/năm là **418.233.169 đồng (II)**;

Tổng số tiền mà Công ty Anh S phải thanh toán cho Công ty L 12.1 là: **(I) + (II) = 830.128.919 đồng** (*Bằng chữ: Tám trăm ba mươi, một trăm hai mươi tám nghìn, chín trăm mười chín đồng*). Ngoài ra Công ty Licogi 12.1 không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Bị đơn Công ty cổ phần xây dựng Anh S do anh Hoàng Ngọc A đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/02/2015, Công ty Anh S và Công ty L 12.1 có thực hiện ký kết hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/TBT-12.1/KTTH về việc mua bán bê tông thương phẩm và bơm bê tông. Do quá trình kinh doanh của Công ty Anh S gặp nhiều khó khăn nên đã vi phạm việc thanh toán cho Công ty L 12.1. Nay, Công ty L 12.1 đề nghị Tòa án buộc Công ty Anh S thanh toán tiền gốc 411.895.750 đồng và tiền lãi tính đến ngày 23/4/2024 418.233.169 đồng, tổng số tiền là 830.128.919 đồng. Công ty Anh S không đồng ý với số tiền gốc mà Công ty L 12.1 đưa ra là 411.895.750 đồng. Căn cứ vào báo cáo của kế toán Công ty Anh S thì số công nợ của Công ty Anh S và Công ty L 12.1 không phải là số tiền 411.895.750 đồng. Tuy nhiên, đây chỉ là theo dõi nội bộ trong Công ty Anh S nên không có tài liệu nào thể hiện số tiền còn chưa thanh toán với Công ty L 12.1 để xuất trình cho Tòa án.

Vì vậy, Công ty Anh S không đồng ý với nội dung đơn khởi kiện của Công ty L 12.1 về việc buộc Công ty Anh S phải thanh toán cho Công ty L 12.1 tổng số tiền là 830.128.919 đồng. Ngoài ra, Công ty Anh S không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn thay đổi mức yêu cầu, giảm mức lãi suất phạt chậm thanh toán từ 10%/năm thành 7.3%/năm (Mức lãi suất cho vay ngắn hạn trung bình của 3 ngân hàng Techcombank, Sacombank, và MBbank) đề nghị Tòa án buộc Công ty Anh S phải thanh toán cho Công ty L 12.1 số tiền gốc và lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán

với tổng số tiền tính đến ngày xét xử 15/7/2024 là 724.043.433đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 411.895.730đồng, tiền lãi là 312.147.683đồng. Buộc Công ty Anh S tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất nêu trên đến khi thực tế thanh toán xong toàn bộ tiền nợ gốc.

- Bị đơn không đồng ý với số tiền gốc Công ty L 12.1 buộc Công ty Anh S phải thanh toán. Đề nghị Công ty L 12.1 miễn lãi cho Công ty Anh S do công ty hiện gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên có quan điểm:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Về thu thập tài liệu chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn có thời gian chấp hành đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với phiên tòa sơ thẩm.

- *Về nội dung:* Về hình thức và nội dung hợp đồng ký kết giữa hai bên đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Anh S vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty L vì vậy yêu cầu khởi kiện của Công ty L đối với Công ty Anh S về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá là có căn cứ chấp nhận và cần chấp nhận. Đề nghị HĐXX Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty L 12.1 đối với Công ty Anh S, buộc Công ty Anh S phải thanh toán cho Công ty L 12.1 số tiền nợ gốc và nợ lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/TBT-12.1/KTTH ngày 01/02/2015.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Công ty cổ phần L 12.1 và Công ty cổ phần xây dựng Anh S có ký Hợp đồng kinh tế số số 01/HĐKT/TBT-12.1/KTTH ngày 01/02/2015 về việc mua bán bê tông thương phẩm và bơm bê tông cho công trình Cầu S3 và Cầu L5 thuộc gói thầu 5.1, Dự án thoát nước thành phố Hà Nội tại Khu

vực nội thành – thành phố Hà Nội. Việc ký hợp đồng kinh tế là phục vụ mục đích kinh doanh nên xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về Hợp đồng mua bán hàng hoá được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn là Công ty cổ phần xây dựng Anh S có trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại Số 24, đường Bắc C 3, phường Ngọc T, quận Long Biên, Hà Nội do ông Hoàng Văn L - Giám đốc đại diện theo pháp luật, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]Xét tính hợp pháp của Hợp đồng: Do có nhu cầu mua bê tông thương phẩm và bơm bê tông để phục vụ thi công công trình Cầu S3 và Cầu L5 thuộc gói thầu 5.1, dự án Thoát nước thành phố Hà Nội tại Khu vực nội thành – thành phố Hà Nội. Do đó, Công ty cổ phần xây dựng Anh S (Sau đây gọi tắt là Công ty Anh S) và Công ty cổ phần L 12.1 (Sau đây gọi là Công ty L 12.1) thực hiện ký kết Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/TBT-12.1/KTTH ngày 01/02/2015 về việc mua bán bê tông thương phẩm và bơm bê tông. Tại Hợp đồng, Công ty L 12.1 và Công ty Anh S thống nhất đơn giá, khối lượng tạm tính, quy cách chất lượng bê tông và các điều khoản có liên quan. Việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật nên phát sinh hiệu lực giữa hai bên.

[2.2] Về quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty L 12.1 tiến hành cung cấp dịch vụ và thực hiện công việc theo đúng tiêu chuẩn và yêu cầu của Công ty Anh S. Đối với mỗi lần đặt hàng, Công ty L 12.1 và Công ty Anh S tiến hành lập Biên bản đối chiếu khối lượng và giá trị thực hiện. Công ty L 12.1 đã xuất 10 hóa đơn GTGT với các giá trị tương ứng được ghi nhận với tổng giá trị là 2.928.128.500 đồng. Công ty Anh S đã thanh toán 10 lần với tổng số tiền tính đến ngày 12/02/2018, là 2.475.213.750 đồng. Số tiền chưa thanh toán tiền gốc là 411.895.750 đồng. Giữa hai bên đã có biên bản đối chiếu công nợ năm 2018 (không có ngày tháng) thể hiện nội dung trên. Nay Công ty L 12.1 khởi kiện yêu cầu Công ty Anh S thanh toán tiền gốc 411.895.750 đồng là có căn cứ chấp nhận. Công ty Anh S không đồng ý với số tiền gốc do Công ty L 12.1 đưa ra và đưa ra số nợ gốc là 356.739.250 nhưng không xuất trình được căn cứ mà chỉ là tài liệu theo dõi nội bộ vì vậy không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với khoản tiền lãi lũy tính đến ngày 15/7/2024 là 312.147.683 đồng, Hội đồng xét xử thấy, tại Khoản 3,4 Điều 3 của Hợp đồng kinh tế ký kết giữa 2 bên thể hiện về giá trị thanh toán bao gồm tiền gốc và tiền lãi. Tuy hai bên không thoả thuận mức lãi suất nhưng căn cứ Điều 11 Nghị quyết số 01 năm 2019 của HĐTP toà án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 là căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 3 Ngân hàng thương mại VCB, Vietinbank, Agri bank có trụ sở chi nhánh. Hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi toà án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán để quyết định mức lãi suất chậm trả. So sánh với mức lãi suất trên thì yêu cầu của Công ty Licogy về yêu cầu mức lãi suất 7.3%/năm đối với số tiền chậm thanh toán là thấp hơn nên có căn cứ để chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát quận Long Biên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo:

3.1. Bị đơn: Công ty Anh S phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3.2. Nguyên đơn: Công ty L 12.1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3.3 Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 235; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 306, 317, 319 Luật Thương mại 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần L 12.1 đối với Công ty cổ phần xây dựng Anh S.

2. Buộc Công ty Anh S phải thanh toán cho Công ty L 12.1 theo Hợp đồng kinh tế 01/HĐKT/TBT-12.1/KTTH ngày 01/02/2015 tính đến ngày 15/7/2024 là 724.043.433đ (*Bảy trăm hai mươi bốn triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bốn*

trăm ba mươi ba đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 411.895.730 đồng, tiền lãi là 312.147.683 đồng.

3. Công ty cổ phần xây dựng Anh S tiếp tục phải thanh toán cho Công ty cổ phần L 12.1 lãi suất theo mức lãi suất 7.3%/năm từ ngày 16/7/2024 đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi tất toán khoản tiền.

4. Về án phí: Công ty cổ phần xây dựng Anh S phải chịu án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm là 32.961.737đ (*Ba mươi hai triệu chín trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm ba mươi bảy đồng*). Trả lại cho Công ty cổ phần L 12.1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.040.000đồng theo biên lai số 0066392 ngày 25/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hà Nội
- VKSND quận Long Biên
- Chi cục THADS quận Long Biên.
- Các đương sự
- Lưu HS
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Loan